

Số: 833/2024/QĐST-HNGĐ

Thành phố Thủ Đức, ngày 18 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; Điều 361 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 67/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Nguyễn T T, sinh năm: 1982.

Địa chỉ thường trú: Xóm Q, xã W, huyện E, tỉnh R.

Địa chỉ tạm trú: 56/12/13 T, khu phố Y, phường U, thành phố I, Thành phố O.

- Ông Nguyễn A D, sinh năm: 1977.

Địa chỉ thường trú: Xóm Q, xã W, huyện E, tỉnh R.

Địa chỉ tạm trú: 56/12/13 T, khu phố Y, phường U, thành phố I, Thành phố O.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo điểm b khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 14/11/2003 tại UBND xã A, huyện S, tỉnh D thì quan hệ hôn nhân giữa Bà Nguyễn T T và Ông Nguyễn A D được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Căn cứ các bản tự khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận thấy:

- Hôn nhân giữa Bà Nguyễn T T và Ông Nguyễn A D là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Nay, Bà T và ông D xác định không còn tình cảm với nhau, yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà T và ông D có 02 con chung tên Nguyễn L V, sinh ngày: 13/8/2004 và Nguyễn T L, sinh ngày 27/03/2013. Bà T và ông D thống nhất Bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn T L, sinh ngày 27/03/2013 và ông D cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Con chung tên Nguyễn L V, sinh ngày: 13/8/2004 đã đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Bà T và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T và ông D khai không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn T T và Ông Nguyễn A D thuận tình ly hôn (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 14/11/2003 tại UBND xã A, huyện S, tỉnh D).

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn T L, sinh ngày 27/03/2013 cho Bà Nguyễn T T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông Nguyễn A D cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn T L, sinh ngày 27/03/2013 mỗi tháng 4.000.000 (Bốn triệu) đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được thực hiện bắt đầu từ tháng 3/2024.

Con chung tên Nguyễn L V, sinh ngày: 13/8/2004 đã đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

- Về tài sản chung: Bà T và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T và ông D khai không có.

2. Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, Bà Nguyễn T T và Ông Nguyễn A D phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0000086 ngày 25/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Bà T và ông D đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thủ Đức;
- THA DS TP. Thủ Đức;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- UBND xã Nghĩa Hưng,
huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Nga